

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa

Tập 7

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem trang thứ sáu, hàng thứ ba trong bản kinh, xem từ câu cuối cùng.

“*U thị, tiên sư hội bốn vẫn thế dĩ lai, bất hĩnh nhi tẩu*” (do vậy, từ khi bản hội tập của tiên sư được ra đời đến nay, không chân mà đi khắp nơi), xem từ câu này. Cự Hoàng nói bản hội tập này của cự Hạ, sau khi in ra, bèn được lưu thông rất nhanh, cho nên không có chân mà đi khắp nơi. “*Hĩnh*” (脛) là bắp chân (phần từ đầu gối đến bàn chân). “*Bất hĩnh*”: Mặc dù nó không có chân, nhưng đi rất nhanh, truyền bá rất lạ, [hàm ý bản hội tập này được] truyền bá rất nhanh chóng. Đây là tình hình lúc đó. Vì xã hội chẳng an định, chiến tranh Trung Nhật bùng nổ; đây là chuyện trước khi chiến tranh nổ ra. Cả một giải Sơn Đông cũng bị người Nhật chiếm đóng, nên công tác hoàng pháp của cự Hạ Liên Cư đương nhiên gặp trở ngại. Mãi cho đến nay, xã hội cũng không ổn định, sau khi cả nước thoát khỏi ngoại xâm, lại trải qua nhiều tai nạn, trong phần sau, cự Hoàng sẽ nói đến điều này. Sau cuộc cải cách khai phóng¹ mới kể như yên ổn, hoạt động tôn giáo dần dần khôi phục. Vì thế, Hạ lão cư sĩ bảo cự Hoàng Niệm Tổ: “*Trong tương lai, bản hội tập này sẽ từ hải ngoại truyền về Trung Quốc*”. Cự Hạ nói những lời này, các đồng học nghe xong, đều chẳng nghĩ là đúng, cảm thấy rất kỳ quái. Mãi sau này, mấy chục năm sau, quả nhiên như thế. Do vậy biết: Pháp vận hưng hay suy, lão nhân gia đã thấy hết sức rõ ràng. Do vậy, thở ấy, lúc ban đầu in ra không nhiều lắm. Lần trước tôi đã nói, pháp sư Từ Châu tại Tế Nam đã giảng bản hội tập này. Trong lần trước, tôi đã thưa cùng quý vị, [lúc ấy] bản hội tập này nói chung chưa có phiên bản cố định, lão nhân gia (cự Hạ Liên Cư) đã sửa chữa cả mười lần. Bản mà pháp sư Từ Châu đã dùng chưa phải là bản tu đính cuối cùng, chưa phải là bản hoàn chỉnh cuối cùng. Vì

¹ “Cải cách khai phóng” là danh từ do đảng Cộng Sản Trung Quốc đặt ra để gọi cuộc cải tổ kinh tế dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình vào năm 1978, theo khẩu hiệu: “*Đổi nội cải cách, đổi ngoại khai phóng*” (đổi nội: cải tổ; đổi ngoại: mở cửa). Đây là một bước nhượng bộ nhằm vực dậy nền kinh tế suy yếu, rệu rã, mọi cơ cấu bị phá nát bởi cuộc cách mạng Văn Hóa dưới thời Mao Trạch Đông. Nói cách khác, đây là công cuộc tư bản hóa, tư nhân hóa, khuyến khích ngoại quốc đầu tư, mạnh dạn tiếp thu tư tưởng quản trị kinh tế và khoa học kỹ thuật của Tây Phương, đúng như Đặng Tiểu Bình đã trào phúng nói: “*Mèo trắng hay mèo đen không quan trọng, miễn bắt được chuột là được rồi!*”

từ bản khoa phán của Ngài, tôi thấy: Bản hội tập mà lão nhân đã dùng, toàn bộ kinh văn được chia thành ba mươi bảy phẩm, có lẽ là dùng ý nghĩa Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm. Tôi có một quyển khoa phán gồm ba mươi bảy phẩm này. [Bản khoa phán ấy] chẳng dựa trên bản hiện thời chúng ta đang dùng. Bản hiện tại là bản hoàn chỉnh cuối cùng, tổng cộng gồm bốn mươi tám phẩm; nhưng đối với Đại Kinh, pháp sư Từ Châu được coi như là người đã lập ra tiền lệ đầu tiên, đem phần khoa phán ghép thêm vào cuối kinh. Tôi dựa theo bản khoa phán của lão nhân gia, nhưng dùng [chánh kinh theo] bản [hội tập] hiện tại, để viết khoa phán tỉ mỉ hơn, chia đoạn rất chi tiết. Chúng ta có Khoa Hội, [tức là] khoa phán và kinh được xếp chung một chỗ. Bản khoa hội này cũng được lưu thông với số lượng rất lớn. Phải biết là ở nơi đây chúng ta không có triệp điệp bản, mà có trang đính bản², có khoa hội. Còn có một bản in chung kinh văn và lời mi chú của cụ Lý, khoa hội và mi chú được in chung thành một bản, bản này cũng in rất nhiều, có thể giúp [học nhân] học tập, nghiên cứu Đại Kinh.

“Phật giới tôn túc đa dĩ hội bốn văn giản, nghĩa phong” (Các bậc tôn túc trong giới Phật giáo đa số công nhận bản hội tập văn từ giản dị, nghĩa lý phong phú). Quả thật, so với các bản dịch gốc và hai bản hội tập trong quá khứ, văn tự của bản hội tập này đơn giản và dễ hơn rất nhiều, ý nghĩa lại còn hết sức viên mãn. Những điều thiếu sót trong hai bản hội tập trước đã được cụ Hạ bổ sung toàn bộ, điều này rất khó có. “Từ sưống, Lý viên” (Từ ngữ lưu loát, Lý viên mãn): Lý viên mãn chẳng khiếm khuyết, văn tự hết sức trôi chảy, khiến người đọc rất thoải mái. “Giảng, thuyết, tán dương, lưu bá trung ngoại” (giảng, nói, tán dương, lưu truyền trong ngoài nước), dùng bản này để giảng kinh Vô Lượng Thọ, giảng thuật, tán thán, tuyên dương, lưu truyền trong ngoài nước, chúng tôi rất nỗ lực thực hiện công tác này, bắt đầu từ lúc nào? Sau khi cụ Lý Bình Nam vãng sanh. Khi lão nhân gia còn sống, chúng tôi muốn làm, nhưng thầy không đồng ý, nói bản này có những điều bị tranh luận, quả thật có những điều bị chướng ngại trong Phật môn. Khi ấy, tôi muốn giảng kinh này, thầy nói: “Chưa được! Tuổi anh quá trẻ, chưa đủ uy tín. Nếu giảng kinh này, người khác phê bình, anh sẽ chống đỡ không nổi”. Vì thế, khi tôi đem bản này in một ngàn cuốn, tôi nhớ là vào dịp sinh nhật năm mươi tuổi của Hàn Quán Trưởng, chúng tôi muốn giảng kinh này để chúc thọ bà ta, thầy Lý không đồng ý, chúng tôi bèn đổi thành giảng kinh Lăng Nghiêm, mọi người sẽ chẳng bàn ra nói vào nữa! Những thứ tranh luận, dị nghị kinh này quá nửa đều do ganh ghét, chướng ngại, từ xưa tới nay không thể nào tránh được chuyện này. Nay chúng ta sanh nhằm thời kỳ Mạt Pháp, bất luận đức hạnh hay trí huệ đều kém cổ nhân, ngay cả cổ nhân cũng gặp khó khăn nhiều dường ấy. Quý vị thấy tại Đại Lục mấy năm trước lên tiếng phản đối bản hội tập này, hết thầy mọi người biết. Nay tiếng phản đối

2 Triệp điệp (摺疊) là in các trang thành một tờ giấy dài, rồi xếp lại thành sách, không đóng gáy, chỉ dán bìa cứng vào trang đầu và trang cuối. Trang đính (裝訂) bản là in thành sách như ta thường thấy, thường có bìa cứng.

ấy không còn nữa, vì Cục Tôn Giáo quốc gia khẳng định bản này, mọi người không còn nói gì được nữa! Vì thế, chúng ta biết cụ Hoàng Niệm Tổ chú giải bản kinh này chẳng dễ dàng, vô cùng gian nan. Chúng ta phải hiểu chân tướng sự thật này.

“*Kiến giả, văn giả, hoan hỷ tín thọ, trì tụng, ấn hành, lạc dịch bất tuyệt*” (Người thấy, kẻ nghe, ưa thích, tin nhận, trì tụng, ấn hành liên tục chẳng dứt). Câu này là sự thật. Sau khi cụ Lý Bình Nam vãng sanh, khi đó tôi đang ở Mỹ, xướng suất in bộ kinh điển này tại Mỹ. Do thầy Lý chỉ có một bản hội tập này, khi giảng giải, cụ đã tự tay viết lời mi chú bằng bút lông, viết theo lối Tiểu Khải và Hành Thư³, viết hết sức hay. Lão nhân gia cho tôi bản này, tôi gìn giữ đã nhiều năm như thế, chưa có người nào khác đọc. Cụ vãng sanh, tôi lấy bản này ra, phát tâm in một vạn bộ để lưu thông, nhằm kỷ niệm ngày thầy vãng sanh. Sau khi mọi người đọc bản này, thật sự, giống như [cụ Hoàng] đã nói ở đây: “*Kiến giả, văn giả, hoan hỷ, tín thọ*” (người thấy, kẻ nghe, ưa thích, tin nhận), trì, tụng, ấn hành liên tiếp. Vì thế, hiện thời bản này lưu thông trên cả thế giới với số lượng rất lớn; trong quá khứ, chúng tôi đã giảng mười lần, CD/DVD cũng được lưu thông rất rộng.

Tiếp đó, cụ viết: “*Cận thả môn hải ngoại Phật học giới thâm nhập tân ấn chi Tục Tạng*” (Gần đây, lại còn được giới Phật học ở hải ngoại đưa bản này vào bản in mới của Tục Tạng Kinh). Có ý nghĩ này, nhưng mãi cho đến hiện thời vẫn chưa thể thực hiện. Tại hải ngoại, đã qua nhiều năm như thế, họ đã in Đại Tạng Kinh không ít lần, nhưng chưa đưa bộ kinh này vào Tục Tạng, chuyện này đợi chúng ta trong tương lai nỗ lực, nhất định sẽ làm được. “*Hành kiến đại kinh quang minh, thường chiếu thế gian*” (khiến cho quang minh của Đại Kinh thường chiếu trong thế gian), những điều này đều là thật. “*Tích hiền hội tập chi thắng nguyện, hạnh cáo viên thành*” (Ý nguyện hội tập thù thắng của bậc hiền nhân thuở xưa may sao đã được thành tựu viên mãn). Trong quá khứ, đã có nhiều người mong hoàn thành một bản hội tập cho kinh Vô Lượng Thọ, muốn làm thành một bản tiêu chuẩn để lưu thông. Vương Long Thư đã làm, Ngụy Mặc

3 Khải Thư (楷書) còn gọi là Chánh Khải, Khải Thể, Chánh Thư, hoặc Chân Thư) là lối viết chữ mực thước, ngay ngắn, cân đối, đầy đủ nét, không hoa dạng, bay bướm. Chữ Khải có nghĩa gốc là “khuôn mẫu, mực thước”. Tiểu Khải là loại chữ Khải nhỏ từ 5cm trở xuống, lớn hơn 5cm sẽ gọi là Đại Khải. Bốn nhân vật viết chữ Khải đẹp nhất được xưng tụng từ trước đến giờ là Âu Dương Tuấn, Nhan Chân Khanh, Liễu Công Quyền (ba người này sống vào đời Đường) và Triệu Mạnh Phủ (đời Nguyên) hình thành bốn phong cách viết chữ Khải riêng biệt, thường được gọi là Âu Thể, Nhan Thể v.v...

Hành Thư (行書) còn gọi là Hành Khải, được hình thành vào cuối đời Hậu Hán. Hành Thư thường được dùng để viết cho nhanh, nét viết mềm mại, tròn trịa hơn Khải Thư, chủ yếu dùng trong thư tín hay ghi chép cho nhanh, có thể ghi tắt vài nét, nhưng không quá phóng túng, tung hoành như lối chữ Thảo. Những người nổi tiếng về thư pháp theo kiểu Hành Thư là Vương Hy Chi, Phùng Thừa Tổ...

Thâm cũng làm, nhưng đều có những chỗ đáng tiếc nuôi, đều có khuyết điểm. Vì vậy, cụ Hạ thực hiện công tác này lần thứ ba, đối với những thiếu sót của người đi trước cụ đều có thể sửa chữa viên mãn, trở thành một bản đúng như cụ Hoàng Niệm Tổ đã nói: “*Văn giản, nghĩa phong, từ sướng, Lý viên*” (văn từ giản dị, nghĩa lý phong phú, từ ngữ lưu loát, Lý viên mãn), giống như cư sĩ Mai Quang Hy đã nói: “*Tuy dục bất vị chi thiện bốn, bất khả đắc dã*” (Tuy muốn bảo chẳng phải là bản tốt nhất cũng không thể được), nhân duyên hy hữu khó gặp! Ở đây, cụ Hoàng viết: “*Vô Lượng Thọ Kinh chi thiện bốn*”, [tức là] bản hoàn mỹ nhất, “*ư tư khánh hiện, thử thật vi hy hữu nan phùng chi đại sự nhân duyên dã*” (nay mừng được xuất hiện, đây thật sự là một đại sự nhân duyên hiếm có, khó gặp vậy). Chớ nên xem thường, chúng ta phải có sự nhận thức này! Nay chúng ta may mắn gặp được bản hội tập này, cũng là đại sự nhân duyên hiếm có, khó gặp mà chúng ta đã được gặp! Trong quá khứ, tôi đã giảng giải mười lần, mấy lần trước, tôi không đọc bản chú giải này, mà dựa theo lời mi chú của thầy Lý để giảng giải bộ kinh này. Tôi nhớ lần đầu tiên giảng giải là ở Tân Gia Ba, lần thứ hai cũng tại Tân Gia Ba, [hoặc là] lần đầu tiên tại Mỹ, lần thứ hai tại Tân Gia Ba, thời gian đã dùng để giảng là sáu mươi tiếng đồng hồ; vì tôi đến Tân Gia Ba giảng kinh một tháng, mỗi ngày giảng hai tiếng, giảng một tháng bèn viên mãn. Băng thâu âm được lưu thông rất nhanh, phạm vi lưu thông lại còn hết sức rộng, ai trông thấy cũng đều ưa thích.

Trong đoạn tiếp theo, cụ Hoàng Niệm Tổ trình bày nhân duyên vì sao cụ chú giải bản hội tập này, chúng ta hãy đọc đoạn này: “*Niệm Tổ nãi cụ phược hạ phàm*” (Niệm Tổ là phàm phu hạ căn đầy đầy triền phược), đây là lão nhân gia khiêm hư. “*Phược*” (縛) là phiền não, phiền não trói buộc phàm phu hạ căn, tức là chẳng phải phàm phu trung thượng căn, mà là hạ căn. “*Mậu mông tiên sư dĩ chú giải hoằng dương thử kinh chi đại sự tương chúc*” (được tiên sư làm lẫn giao phó đại sự chú giải, hoằng dương kinh này), ở đây toàn là lời lẽ khiêm tốn. “*Mậu*” (謬) là sai lầm, thầy đã làm yêu thương ta, ta không có năng lực, mà thầy mong mỏi ta làm. Chuyện này quả thật chẳng dễ dàng, kinh đã được hội tập, nhất định phải chú giải. Không có chú giải, đâu có nghĩa lý huyền áo rất sâu trong ấy, kẻ mới học chẳng dễ gì nhận ra! Vì thế, chú giải là chuyện tất yếu; trong lời tựa ở đầu bản chú giải này, tôi cũng nhắc đến chuyện ấy. Hoằng dương kinh này thì dùng chú giải để hoằng dương, nay chúng ta dùng [phương thức] diễn nghĩa để hoằng dương bản chú giải này, cũng đều là đại sự chẳng thể nghĩ bàn. Cụ Hoàng chú giải kinh là do nhận lãnh lời phó thác của thầy, đây cũng là mệnh lệnh của thầy, thầy căn dặn đó là chuyện cụ phải làm trong một đời này. Đời cụ Hạ đã hoàn thành công tác hội tập kinh, cụ Hoàng Niệm Tổ nói tiếp, soạn một bản chú giải cho Đại Kinh. “*Dư tuy sơ phát đại tâm, đản dĩ chướng thâm huệ thiện, thừa thử trọng mạng, thật thâm hoảng cụ*” (Tôi thoát đầu tuy phát đại tâm, nhưng vì chướng sâu, huệ cạn, vâng lãnh sứ mạng nặng nề này, thật sợ hãi sâu xa), “*hoảng*” (惶) là kinh hãi, “*cụ*” (懼) là sợ sệt. Sứ mạng này quá nặng nề! Ở chỗ này, chúng ta thấy lão nhân gia khiêm hư, có thể là quá khiêm

hu. Lão nhân gia đã hoàn thành nhiệm vụ này, chẳng cô phụ lời thầy phó chúc, chúng ta phải cảm ơn cụ.

Tiếp đó, cụ tường thuật nhân duyên: “*Sở hạnh tăng tham tiên sư giảng tịch, thân văn thử kinh toàn bộ*” (may là đã từng được nghe tiên sư giảng giải, đích thân nghe giảng toàn bộ kinh này). Sau khi hội tập, cụ Hạ đã đích thân giảng bộ kinh này, cụ Hoàng Niệm Tổ có duyên phận ấy, đích thân nghe thầy giảng toàn bộ kinh này, chẳng thiếu một buổi giảng nào. “*Thả u nhập tải tùy thị chi trung*” (lại còn theo hầu thầy suốt hai mươi năm), đây là nói cụ đã theo thầy hai mươi năm, chẳng phải trong thời gian ngắn ngủi, hai mươi năm không rời thầy. “*Đắc linh Thiên, Tịnh, Mật các tông huyền áo, thô hiểu tiên sư hội tập đại kinh chi thâm tâm*” (được nghe những điều huyền diệu, sâu xa trong các tông Thiên, Tịnh, Mật, hiểu sơ lược thâm tâm hội tập Đại Kinh của tiên sư). Theo thầy hai mươi năm, mỗi ngày nghe thầy giảng kinh, thuyết pháp. Cụ Hạ Liên Cư thông Tông, thông Giáo, Hiểu Mật viên dung, tuy là tại gia, nhưng thật sự là một vị đại đức trong Phật môn thuở ấy. Có trí huệ, năng lực, từ bi như vậy thì mới có thể thực hiện viên mãn chuyện này để truyền cho những kẻ hữu duyên trong chín ngàn năm sau trong thời Mật Pháp. Gặp được kinh này chính là kẻ hữu duyên, gặp kinh này sẽ có cơ hội đắc độ, rất khó có! Đây là nói rõ nhân duyên vì sao cụ được thầy phó chúc làm đại sự này. Đương nhiên, thầy hiểu rõ trò. Theo thầy suốt hai mươi năm, trò có trí huệ hay không, có tâm từ bi hay không, có thể đảm nhiệm sứ mạng này hay không, đương nhiên thầy hiểu rất rõ ràng, chọn trúng cụ Hoàng Niệm Tổ. Do vậy, tôi thường nói: Vừa nghe đến tên họ của lão nhân gia, tôi liền bảo mọi người, vị này là truyền nhân của cụ Hạ, khích lệ, cổ vũ mọi người hãy thân cận cụ cho nhiều. Duyên phận và phước phần này đều chẳng thể nghĩ bàn!

“*Lục thập niên đại sơ*” (đầu thập niên sáu mươi), “*lục thập niên đại*” là năm 1960, vào đầu năm 1960. “*Tăng thí tả thử kinh huyền nghĩa chi đề cương nhất sách, trình sư giám hạch, hạnh môn ấn khả*” (từng thử viết một bản đề cương cho kinh này, trình lên thầy giám định, may mắn được thầy ấn khả). Cụ chuẩn bị công tác sơ bộ, viết đề cương, đề cương là gì? Là phần Khái Luận mà chúng ta nay đang học tập, cụ gọi phần này là Khái Yếu. Trong quá khứ, khi tôi giảng kinh đã dùng phần tài liệu này của cụ để viết đại cương, có lẽ các đồng học đã đọc, trong quá khứ tôi đã giảng nhiều lần. Tôi lấy phần Khái Yếu, trích lục những điểm tinh yếu trong đó, làm như vậy, trong các buổi giảng sẽ có thể rút ngắn thời gian. Tuy đã rút ngắn, đại khái cũng phải giảng mất mười mấy giờ, nhằm giới thiệu “yếu nghĩa” (ý nghĩa trọng yếu) của cả bản kinh với đại chúng. Cụ Hoàng viết đề cương phần Huyền Nghĩa đưa cho cụ Hạ xem, được đồng ý, chấp nhận. “*Đản kinh Văn Cách hạo kiếp, thử cáo dĩ đặng nhiên vô dư*” (nhưng trải qua cơn kiếp nạn Cách Mạng Văn Hóa to lớn, bản thảo ấy đã mất sạch chẳng còn). Khi ấy, cụ cũng

gặp nạn Cách Mạng Văn Hóa⁴, cũng bị lôi ra “*phê đầu*” (phê bình, đầu tố), vì cụ học Phật liền bị chụp mũ là “*nguru quý, xà thân*” (quý trâu, thân rắn), nhà cửa cũng bị lục soát, tịch biên, những thứ đã viết lách đều bị thiêu sạch, trải qua cơn kiếp nạn to lớn ấy. “*Hiện dư niên du cổ hy*” (nay tuổi đã ngoài bảy mươi), cụ nhân gọi bảy mươi tuổi là “*cổ hy*”. Câu “*nhân sanh thất thập cổ lai hy*” (xưa nay, hiếm người sống đến bảy mươi tuổi) là do Đỗ Phủ đời Đường đã nói. Vì vậy, bảy mươi tuổi được gọi là “*cổ hy chi niên*”, “*du*” (逾) là vượt qua, [“*du cổ hy*”] là hơn bảy mươi tuổi. Khi tôi gặp lão nhân gia, cụ đã ngoài bảy mươi tuổi. “*Phục đa túc tật*” (lại lắm bệnh cũ), cũng là do trong thời Cách Mạng Văn Hóa chịu rất nhiều khổ nạn, cho nên tuổi già thân chẳng khỏe, rất nhiều bệnh tật. “*Quý thâm ân chi vị báo, cụ vô thường chi tương chí*” (thẹn ơn sâu chưa báo, sợ vô thường xảy tới), đây là lời thật, sứ mạng thầy đã giao phó chưa hoàn thành, làm sao xứng với thầy? Tuổi già, lắm bệnh, sợ lắm, sợ thọ mạng không đủ để hoàn thành việc này, thường nặng lòng vì chuyện này. “*U thị, phẫn lão bệnh chi tàn thân, kế truyền đặng chi hồng thệ*” (Do vậy, gắng gượng tám thân tàn già bệnh, kế tục hồng thệ truyền đặng). Chúng tôi đích thân thấy chuyện này, đêm nói tiếp ngày, cụ làm chuyện này chẳng nghỉ ngơi để viết bản chú giải này.

Viết chú giải cũng chẳng dễ dàng! Sau khi viết xong, không vừa ý lại sửa chữa, đến cuối cùng khi đã sửa chữa hoàn chỉnh, tôi đã kể với quý vị, lúc ấy cuốn sách này chỉ được in bằng ronéo. Nói chung, những người trẻ tuổi hiện nay chẳng biết in ronéo là gì, người năm sáu mươi tuổi chắc chắn biết. Chất liệu rất kém cỏi, in bằng ronéo, chữ in ra không rõ ràng. Tôi tin bản do cụ đem sang Mỹ tặng cho tôi, phải là bản in ronéo rõ ràng nhất, tốt nhất, cụ tặng cho tôi một quyển. Sau khi tôi đọc xong một lượt, hết sức vui thích, vô cùng bội phục, rốt cuộc kinh Vô Lượng Thọ có một bản chú giải hay như thế, đúng là khó có! Tôi bèn thỉnh giáo lão nhân gia: “Cụ có giữ bản quyền hay không?” Cụ bảo: “Không giữ bản quyền!” Không giữ bản quyền thì tôi bèn in lại. Do vậy, tại

4 Nguyên văn là “văn hóa đại cách mạng”, đây là một phong trào vận động quần chúng do đảng Cộng Sản Trung Quốc tiến hành từ năm 1966 dưới sự chỉ đạo của Mao Trạch Đông nhằm quét sạch những tư tưởng truyền thống của Trung Hoa và mọi ý niệm bị đảng Cộng Sản Trung Quốc quy chụp là “phản động, lạc hậu” trong mọi tầng lớp xã hội, với mục đích suy tôn chủ nghĩa Mao, tiêu trừ các thành phần đối lập, củng cố địa vị độc tôn của Mao, trấn áp những dư luận chỉ trích trong xã hội sau các thất bại thảm hại của các phong trào Đại Nhảy Vọt (Đại Dục Tiến) cũng như các kế hoạch năm năm, ba năm, Chính Phong, Chính Đảng trước đó. Họ Mao lợi dụng lực lượng Hồng Vệ Binh tấn công các đối thủ, triệt hạ những lãnh tụ có uy tín như Lưu Thiểu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Niếp Vinh Trăn, Từ Hướng Tiền v.v... Hồng Vệ Binh tấn công bất cứ ai chống đối hay bị nghi ngờ là phản động, chống Mao, đập phá các cơ sở thờ tự, chùa miếu, hủy diệt các tác phẩm văn hóa, nghệ thuật cổ truyền. Tuy về sau, chính quyền Mao Trạch Đông đã kiểm soát được sự hoành hành của Hồng Vệ Binh, Cách Mạng Văn Hóa thật sự chỉ chấm dứt vào năm 1976 sau khi Mao Trạch Đông chết và tân chủ tịch Hoa Quốc Phong hạ bệ Tứ Nhân Bang (Giang Thanh, Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiêu, và Diêu Văn Nguyên), tức bốn tên hung thần thừa cơ kéo bè kéo đảng khuấy nát tình hình chính trị tại Hoa Lục bấy giờ.

Đài Loan, tôi in lần đầu một vạn cuốn, in thành một quyển đóng bìa cứng. Bản của cụ vốn là bốn cuốn, in thành bốn cuốn, chúng tôi đổi thành một cuốn đóng bìa cứng, chính là bản hiện thời quý vị đang cầm trên tay. Bản này đã được in mấy lượt; bản gốc chúng tôi dùng để in một vạn cuốn nay vẫn rất dễ tìm thấy, nguyên bản ở phía trước có rất nhiều ảnh chụp, có hình lão pháp sư Huệ Minh chứng minh cho cụ Hạ Liên Cư, tôi đều đem in ở đầu sách. Tinh thần ấy khó có lắm!

“Dĩ thử thân tâm, cúng dường Tam Bảo, bệ môn tạ khách, toàn lực chú kinh” (Đem thân tâm này cúng dường Tam Bảo, đóng cửa, không tiếp khách, dốc toàn lực chú giải kinh), không gặp ai, đem hết thầy tinh lực, thời gian, tinh thần dồn vào việc chú giải kinh. Chú giải kinh phải sưu tập tài liệu tham khảo, khó có lắm! Tôi cho rằng cụ được Phật, Bồ Tát che chở, gia trì; hễ cụ nghĩ phải cần những tài liệu nào, đều có người tặng cho. Tôi từng xem những tài liệu trong thư phòng của cụ, tôi cũng phải than là quá tuyệt diệu, đúng là chẳng dễ dàng, từ đâu mà tìm được nhiều thứ như thế? Âm thầm được oai thần gia trì, những tài liệu cụ cần đều có thể tìm được. *“Ký báo tiên sư kỳ thập phương tam thế thượng sư Tam Bảo, dĩ pháp giới chúng sanh chi thâm ân vạn nhất”* (mong báo một phần trong muôn phần ơn sâu của tiên sư, mười phương ba đời thượng sư, Tam Bảo và pháp giới chúng sanh). Chân thành, thanh tịnh, từ bi, tâm báo ân, trên báo ơn Phật, báo ơn thầy, dưới báo đáp ơn của hết thầy chúng sanh và pháp giới chúng sanh. Đọc đến chỗ này, chúng ta phải biết cảm ơn, cụ viết bộ sách này khổ cực quá! Vì ai mà viết? Nay chúng ta có được quyển sách này thì cụ vì tôi mà viết, quý vị có được một quyển sách này tức là cụ đã vì quý vị mà viết, thật đấy, chẳng giả đâu! Quý vị đã có, có thể đọc hiểu bản chú giải này, đoạn nghi hoặc, buông xuống tạp niệm, nhất tâm niệm Phật, tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai tiếp dẫn? Hoàng lão cư sĩ tiếp dẫn, quý vị mới hiểu công đức to lớn này!

Chúng tôi thiếu trí huệ, không có năng lực này, viết không được, bèn phát tâm; hiện thời ấn hành lưu thông thuận tiện lắm. Đây chính là chúng ta báo đáp một phần trong muôn phần ân đức của lão nhân gia, tuyên truyền bản chú giải của cụ. Trên thế giới này, càng có nhiều bản này càng tốt, vì sao? Trong kinh này, đức Phật đã nói, trong tương lai, đến lúc Phật pháp bị diệt, tức là vào chín ngàn năm sau, Phật pháp bị diệt trên thế gian này, kinh Vô Lượng Thọ bị diệt cuối cùng. Sau khi hết thầy các kinh bị diệt, kinh Vô Lượng Thọ còn tồn tại trên thế gian này một trăm năm. Một trăm năm sau đó, kinh Vô Lượng Thọ cũng chẳng còn, hãy còn một câu “Nam-mô A Di Đà Phật”. Gặp được danh hiệu này cũng là có duyên phận đặc biệt, có thể đắc độ. Pháp môn chẳng thể nghĩ bàn! Đức Thế Tôn nhiều lần tuyên giảng chẳng thể nghĩ bàn, phiên dịch chẳng thể nghĩ bàn, hội tập chẳng thể nghĩ bàn, chú giải cũng chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta y giáo phụng hành, chính mình được lợi ích; bản thân ta được lợi ích, mà cũng sẽ ảnh hưởng tới người khác, người ta thấy quý vị như thế sẽ bị cảm động, tự nhiên học theo quý vị. Do vậy, quý vị tự hành là hóa tha. Huống chi, nếu quý vị có thể giảng giải, diễn nói cho

người khác, đây là tài liệu tham khảo để quý vị diễn thuyết, quý vị có thể ấn hành lưu thông.

Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta học Phật cũng phải vận dụng linh hoạt. Quý vị đem một quyển sách to như vậy tặng cho người khác, người ta vừa nhìn thấy: “Dày quá! Tôi không có thời gian đọc!” Thật đấy, chẳng giả đâu! Tuyên dương Tịnh Tông, quả thật là trong thời đại hiện tại, so với bất cứ tông nào khác cũng dường như thuận lợi, hưng vượng hơn, do nguyên nhân nào? Đắc lực nhờ công cụ khoa học kỹ thuật! Chúng ta học tập ở đây, mười lần giảng diễn trong quá khứ, chúng ta có CD/DVD, có vệ tinh, có Internet, có nhiều thứ thuận tiện như thế, cho nên tiếp dẫn nhiều người hơn. Trong quá khứ không có, trong quá khứ phải nhờ vào sách, số lượng sách ít ỏi, lại còn phải phụ thuộc vào người đọc, người ta không đọc thì làm gì được nữa? Đĩa CD/DVD lưu thông với số lượng lớn. Hiện thời, khoa học ngày càng tiến bộ, lúc ban đầu chúng tôi giảng kinh, một đĩa CD chỉ thu được một giờ. Lần giảng tại Tân Gia Ba, được lưu thông tại Trung Quốc Đại Lục là sáu mươi đĩa CD, chẳng ít! Hiện tại thì sao? Hiện thời chừng hai đĩa, [từ sáu mươi đĩa] biến thành hai đĩa, ngày càng tiến bộ. Tôi tin là sau đôi ba năm nữa, một đĩa sẽ thu được sáu mươi giờ, đối với mọi người, học tập quá thuận tiện. Tôi còn đề xướng đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ, quý vị không muốn đọc bản này, bèn mở TV sẽ có tiết mục đọc tụng. Trong phần đọc tụng ấy có kinh văn, có âm thanh, nhưng không có hình ảnh ai cả! Có kinh văn, có âm thanh đọc tụng, giúp đỡ quý vị! Lần này, chúng tôi giảng Diễn Nghĩa, hoàn toàn giảng bản chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ nhằm báo ân cụ. Lão nhân gia tuổi già nhọc nhằn như vậy, chính mắt tôi thấy, chớ nên phụ bạc cụ! Chúng ta có thể làm thành đĩa CD/DVD, mà cũng có thể ghi thành văn tự để đọc tụng. Có văn tự, có giảng giải, không cần phải có hình ảnh con người. Đây là nói về nhân duyên lão cư sĩ chú giải kinh.

Tiếp theo đó là giới thiệu kinh này khế Lý, khế cơ, khó có nhất. “*Phục dĩ bốn kinh chi thù thắng tại u khế Lý, khế cơ*” (lại nữa, kinh này vốn thù thắng ở chỗ khế Lý, khế cơ). Lý là gì? Lý là tự tánh. Huệ Năng đại sư là người Trung Quốc, chúng ta nói tới Ngài là một nhân vật đặc biệt thân thiết, nhất là đối với người Quảng Đông, chúng ta đang ở địa bàn tỉnh Quảng Đông, đặc biệt thân thiết! Lão nhân gia khai ngộ khi chưa tròn hai mươi bốn tuổi. Chúng ta gọi Ngài là “*lão nhân gia*”, vì Ngài có đức hạnh; thật ra, Ngài chưa già, hai mươi bốn tuổi mà! Khi khai ngộ, Ngài đã nói năm câu, hai mươi chữ: “*Hà kỳ tự tánh*”, [nghĩa là] không ngờ tự tánh, tự tánh như thế nào? “*Bốn tự thanh tịnh*” (vốn tự thanh tịnh), đây là câu đầu tiên; “*bốn bất sanh diệt*” là câu thứ hai, “*bốn tự cụ túc*” (vốn tự đầy đủ), “*cụ túc*” là như Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong kinh Hoa Nghiêm: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, vốn tự trọn đủ, “*cụ túc*” là trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, đây là những thứ có trong tự tánh. “*Bốn vô động dao, năng sanh vạn pháp*” (vốn chẳng lay động, có thể sanh ra vạn pháp). Có thể sanh ra vạn pháp là có thể hiện vũ trụ, có thể hiện vạn vật. Ta do đâu mà có? Do tự tánh biến hiện! Vì thế, [tự tánh] có thể sanh, có

thể hiện, có thể biến; hết thấy vạn pháp là cái được sanh, cái được hiện, cái được biến. Cái có thể sanh là Lý, cái được sanh chính là Sự; Khế Lý! Tự tánh vốn sẵn có trí huệ Bát Nhã, tự tánh vốn sẵn có đức năng, đây là Lý. “Cơ” (機) là nói về chúng sanh, về đối tượng, tức đối tượng của bộ kinh này, [nghĩa là] ai có thể học? Bất cứ ai cũng đều có thể học, thích hợp khắp ba căn thượng, trung, hạ, lợi căn lẫn độn căn đều thâm tóm toàn bộ. Hai đoạn tiếp theo đây sẽ nói về vấn đề này.

Trước hết, nói về Lý, “*Lý giả, Thật Tế Lý Thể, diệc tức Chân Như Thật Tướng, chân thật chi bốn tế dã*” (Lý là Thật Tế Lý Thể, cũng tức là Chân Như Thật Tướng, là gốc rễ chân thật). Câu này giảng về Lý. Lý là gì? Tôi vừa mới trình bày một cách dễ hiểu cùng quý vị, [những ý nghĩa ấy] hoàn toàn giống với ba câu nói [của cụ Hoàng] ở nơi đây. “*Thật*” (實) là chân thật, “*Thật Tế*” (實際) là quyết định chẳng giả, nó là Lý Thể, còn gọi là Tự Tánh, tức là cái được gọi là Năng Sanh, Năng Hiện, Năng Biến (cái có thể sanh, hiện, biến). Lý ở nơi đâu? Không chỗ nào chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng tồn tại. Nó chẳng phải là tinh thần, mà cũng chẳng phải là vật chất, nó không có hình tướng, sáu căn chẳng thể tiếp xúc được, chúng ta không thể tưởng tượng được. Hề quý vị suy tưởng là trật mất rồi! Đến khi quý vị điều gì cũng không suy tưởng nữa, nó bèn hiện tiền. Vì vậy, trong kinh Phật thường gọi chuyện này là “*chẳng thể nghĩ bàn*”, [nghĩa là] quý vị chẳng thể tưởng, mà cũng chẳng thể nói, nói không được! Nó còn được gọi là Chân Như Thật Tướng, Thật Tướng là chân tướng, Chân Thật Bản Tế, nói theo cách bây giờ, trong Triết Học gọi bản thể chân thật là Bản Thể Luận (Ontology). Trong Triết Học, cho đến hiện thời vẫn chưa thể giảng rõ khái niệm “bản thể” (noumenon) này, chưa thể luận định chắc chắn, nhưng trong Phật pháp đã giảng rõ ràng, minh bạch, chẳng có mảy may nào mơ hồ. Vì sao? Nhiều người đã chứng đắc. Thích Ca Mâu Ni Phật chứng đắc đầu tiên dưới cội Bồ Đề. Trong số các học trò [của Ngài], cũng có nhiều vị chứng đắc, chứng đắc bèn gọi là “*thành Phật*”. Tại Trung Quốc, lịch đại tổ sư đại đức thật sự chứng đắc cảnh giới này có đến mấy ngàn vị. Trong Truyền Đăng Lục của Thiền Tông, có một ngàn bảy trăm công án, đây chính là có tới một ngàn bảy trăm người chứng đắc, chẳng phải là một người. Ngoài ra, còn có Giáo Hạ, “đại khai viên giải” cũng là cảnh giới này. Tịnh Độ Tông niệm đến Lý nhất tâm bất loạn cũng là cảnh giới này. Lý nhất tâm bất loạn là minh tâm kiến tánh. Vì thế, chuyện này chẳng giả. Sau khi chứng đắc, quý vị để các Ngài trình bày, tức là để cho mỗi một vị đã chứng đắc giải thích [cảnh giới chứng đắc, sẽ thấy] ý nghĩa tương đồng, đại đồng tiểu dị, tuy lời lẽ không hoàn toàn giống, nhưng ý nghĩa hoàn toàn như nhau. Chuyện này chẳng phải giả, mà là hội đủ tinh thần khoa học trong ấy. Họ không cần tới các dụng cụ khoa học để cầu chứng đắc, họ dùng công phu Thiền Định. Thiền Định là gì? Buông xuống! Buông vọng tưởng xuống, buông phân biệt xuống, buông chấp trước xuống, bèn chứng đắc.

Trên thực tế, chúng ta và hết thấy chư Phật Như Lai chẳng khác gì nhau. Vì thế, trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn thường nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn là Phật*”, lời này là thật, chẳng giả tí nào! Nay vì sao biến thành như vậy? Mê rồi, mê mất tự tánh,

trợn chẳng phải là tự tánh không có, tự tánh vẫn tồn tại, nhưng quý vị đã mê rồi! Trong kinh Lăng Nghiêm có một tỷ dụ rất hay: “*Diễn Nhã Đạt Đa, mê đầu nhận ảnh*” (chàng Diễn Nhã Đạt Đa soi gương, thấy đầu mình chiếu trong gương bèn mê cuồng), đức Phật đã kể chuyện này. Nói rõ điều gì? Nói rõ phàm phu chúng ta mê mất nơi hình dáng của Tự Tánh. Nếu dựa theo kinh Phật để kể câu chuyện này mà chúng ta vẫn chưa hiểu lắm, chúng tôi còn có một câu chuyện dễ hiểu hơn mà vẫn có cùng ý nghĩa. Thuở chúng tôi còn là học trò, nhằm lúc người Nhật gây chiến, trong thời gian kháng chiến, học trò Tiểu Học lớp lớn, tức lớp Năm, lớp Sáu, phải học chương trình huấn luyện quân sự, có môn học ấy, đến bậc Trung Học càng chẳng cần phải nói nữa! Đây là một môn học rất quan trọng. Trong huấn luyện quân sự có tập hợp khẩn cấp, hạn định trong ba phút phải trang phục chỉnh tề phải đến thao trường tập hợp, thường có chuyện “*Diễn Nhã Đạt Đa, mê đầu nhận ảnh*” xảy ra. Khẩn cấp tập hợp khiến mọi người bối rối, căng thẳng. Hễ căng thẳng bèn mê, mũ đã đội ngay ngắn trên đầu, mặc trang phục chỉnh tề ra ngoài tập hợp, tìm khắp nơi, hỏi người khác, hỏi bạn học: “Bạn có thấy cái mũ của tôi hay không?” Hoang mang tỏ mở đi kiểm mũ, mê rồi! Bạn học liền chỉ: “Chẳng phải bạn đang đội mũ trên đầu đó sao?” Sờ thử, quả nhiên mũ ở trên đầu! Có mất hay chẳng? Không mất, mà là mê rồi! Đức Phật nêu tỷ dụ này nhằm bảo chúng ta: Tự tánh của chúng ta và tự tánh của Phật chẳng khác, nay có tồn tại hay không? Tồn tại! Vì sao tìm không được? Mê rồi! Khi nào giác ngộ, quý vị liền được gọi là Phật. Khi quý vị đang mê thì gọi là phàm phu. Giống như lúc tập hợp khẩn cấp, đúng là mũ đang đội trên đầu mà chính mình không biết, tìm khắp nơi, tình huống như vậy đó!

Trong kinh điển, thường thấy ba danh từ này, rất khó giải thích, coi từ từ sau này sẽ hiểu. Tâm quý vị càng thanh tịnh, càng hiểu sâu hơn. Hời hợt, bộp chộp là chướng ngại lớn nhất trong sự học tập của chúng ta. Nếu không diệt trừ hời hợt, bộp chộp, sẽ vĩnh viễn không thể thấu hiểu. Cái mà quý vị có thể học được chỉ là ngôn từ! Ngôn từ là bề ngoài, là văn tự, danh tướng, quý vị học những thứ này, không có cách nào nhận biết đạo lý chân thật. Tâm quý vị càng thanh tịnh, càng hiểu sâu; đến khi tâm bình đẳng hiển hiện, gần như là chưa khai ngộ thì cũng mấp mé khai ngộ! Thanh tịnh là Kiến Tu phiền não mỏng nhẹ. Đoạn Kiến Tu phiền não, tâm thanh tịnh thật sự hiện tiền; Trần Sa phiền não đoạn rồi, tâm bình đẳng hiện tiền. Tâm chúng ta bất bình đẳng thì làm gì được? Vì sao chẳng bình đẳng? Có Ngã! Có Ngã sẽ chẳng bình đẳng; nói chung, [sẽ nghĩ] ta giỏi hơn người khác một chút, đó là ngạo mạn. Chư vị phải biết: Hễ có Ngã, bèn có ngạo mạn, quý vị chẳng thừa nhận cũng không được! Đức Phật nói rất hay, vì sao? Quý vị có Ngã là có Mạt Na Thức, bốn đại phiền não thường phụ thuộc Mạt Na Thức. Bắt đầu có từ khi nào? Trong pháp Đại Thừa, có một câu mà hết thầy mọi người đều biết: “*Phụ mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục*” (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra). Đó chính là Ngã, chẳng phải là được cha mẹ sanh ra rồi mới có Ngã. Trước khi được cha mẹ sanh ra đã có Ngã. Người bình thường chúng ta gọi Ngã là “*linh hồn*”. Nói theo Phật pháp, không gọi là linh hồn, mà gọi là “*linh tánh*”. Kể ấy có Ngã Chấp hay không? Có! Có Ngã Chấp thì gọi là “*linh hồn*”, không có Ngã Chấp sẽ gọi là “*linh*

tánh”. Vì sao? Không gian hoạt động của kẻ ấy không ra khỏi lục đạo luân hồi, kẻ ấy chuyển vần trong lục đạo, không thoát ra được. Vì sao? Mê rồi! Nếu kẻ ấy giác ngộ, sẽ vượt thoát lục đạo; chẳng gọi là “linh hồn” nữa, mà gọi là “linh tánh”, hoạt động trong không gian lớn hơn, không gian hoạt động của kẻ ấy là mười pháp giới. Vì sao kẻ ấy vẫn chưa vượt thoát mười pháp giới? Còn có khởi tâm động niệm, do chưa phá vô minh. Sau khi phá vô minh, danh từ “linh tánh” cũng chẳng còn, mà gọi là “tự tánh”, đã trở về nguồn, tức là trở về tự tánh. Khi ấy gọi là gì? Gọi là Phật, chân Phật, chẳng phải giả Phật. Một thứ mà có tới ba danh từ (linh hồn, linh tánh, tự tánh), một mà ba, ba mà một!

Như vậy thì chúng ta chỉ cần một niệm bị mê, hễ mê thì tự tánh của chúng ta biến thành A Lại Da Thức. Trong ba tế tướng của A Lại Da Thức, Chuyên Tướng chính là Mạt Na Thức. Cái đầu tiên trong Mạt Na Thức là Ngã Kiến. Ngã Kiến là chấp trước có Ngã. Lấy gì làm Ngã? Chấp trước một phần của A Lại Da Thức, nói theo kiểu bây giờ sẽ là “một phần năng lượng”, mọi người dễ hiểu hơn. Nói theo danh từ hiện tại là một phần vật chất, có lẽ chúng ta không nói “năng lượng”, mà nói rõ ràng hơn một chút là “một phần thông tin”. Mạt Na là thông tin⁵, A Lại Da là năng lượng, tướng cảnh giới là vật chất. Theo khoa học hiện đại, trong vũ trụ chỉ có ba thứ là năng lượng, vật chất, và thông tin. Ba tế tướng của A Lại Da (chuyên tướng, vô minh nghiệp tướng và cảnh giới tướng) có cùng một ý nghĩa [với năng lượng, vật chất và thông tin trong cách diễn giải của khoa học], nhưng họ (các khoa học gia) giảng không rõ ràng lắm. Vật chất do đâu mà có? Thông tin do đâu mà có? Năng lượng do đâu mà có? Họ chẳng nói được! Trong Phật pháp nói đến Nhất Thể, đó chính là Tự Tánh. Khi chẳng mê là nhất thể, quý vị chẳng thể chia ra phần nào là năng lượng, phần nào là vật chất, phần nào là thông tin, chia không được! Đây chính là [ý nghĩa của] câu nói thứ ba của Huệ Năng đại sư: “*Hà kỳ tự tánh, bốn tự cụ túc*” (nào ngờ tự tánh vốn tự trọn đủ), nó có, nhưng chẳng hiện. Khi nó hiển hiện, tức là có duyên phận, tức là một niệm vọng động, khởi lên một niệm, nó bèn hiện, có thể sanh vạn pháp. Có thể sanh vạn pháp thì ta là chánh báo, hoàn cảnh là y báo. Y báo và chánh báo đồng thời khởi lên, không có trước sau. Trong sách Hoàn Nguyên Quán đã giảng chuyện này rất rõ ràng, từ nhất thể khởi ra nhị dụng. Nhị dụng gồm:

- Một là chánh báo của chúng ta, Ngã xuất hiện.
- Thứ kia là hoàn cảnh sống xuất hiện; đó là vũ trụ.

⁵ Nguyên văn “tín tức” (信息). Đây là cách người Hoa dịch chữ Information. Theo Wikipedia, Information hiểu theo nghĩa hạn chế nhất sẽ là tập hợp các thông điệp chứa đựng các ký hiệu được sắp xếp theo một trình tự nhất định, có thể thu nhận hoặc chuyển tải. Theo nghĩa rộng, Information là bất cứ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến trạng thái của một hệ thống. Nó có thể bao gồm tất cả những ý nghĩa như dữ liệu, điều kiện hạn chế, kiến thức, những hướng dẫn, nhân tố kích thích tinh thần, mô thức, sự tiếp nhận v.v... Chúng tôi tạm dịch Information thành “thông tin” theo cách dịch phổ biến hiện thời tuy vẫn không cảm thấy thỏa đáng lắm.

Đối với chuyện này, khoa học lẫn Triết Học hiện đại đều chưa thể nói rõ ràng. Trong kinh Phật từ ba ngàn năm trước đã giảng rõ ràng đường ấy! Hết sức đáng tiếc là các nhà khoa học thiếu phước báo, chưa đọc kinh Phật. Nếu họ xem kinh Phật, tôi tin là những người đó rất thông minh, cảnh giới của họ nhất định sẽ được nâng cao trên một mức độ rộng lớn. Vì sao nói quý vị có phiền não? Mạt Na Thức có Ngã Kiến, dính dáng Ngã Ái. Ngã Ái là tham, ngã mạn. Ngã mạn là sân khuê, ngã mạn và sân khuê dính liền, ta bèn si. Do vậy, Ngã Kiến, Ngã Ái, ngã mạn, và ngu si, bốn đại phiền não thường nương theo [Mạt Na Thức]. Lẽ nào quý vị chẳng ngạo mạn? Ngạo mạn là bầm sinh, tự nhiên có! Một niệm bất giác bèn mê, mê rồi bèn sanh ra hiện tượng này, chứ trong Thật Tế Lý Thể không có hiện tượng này, Thật Tế Lý Thể hiện ra những hình tướng nào? Trí huệ, đức năng, tướng hảo. Một niệm dấy lên sẽ mê, biến thành tham, sân, si; thông tin ấy bèn phát sanh.

Thật Tướng Lý Thể còn gọi là Chân Như Thật Tướng, Chân là nói về Thể, có thể sanh. [Chân] là cái bản thể có thể sanh, có thể hiện. “*Như*” là nói về tướng, tức hiện tướng (tướng được biến hiện). Hiện tướng là tướng được biến hiện từ bản thể. Hiện tướng và Thể chẳng tách rời; cho nên nói “*Tánh Tướng bất nhị*”. Điều này cũng chẳng dễ hiểu. Xưa nay, tổ sư đại đức, trong kinh Phật cũng có nói, thường dùng vàng và các vật chế bằng vàng để làm tỷ dụ, đem vàng ví với Thể. Đúng vậy! Vàng làm thành các món đồ; đó gọi là Như. Vì sao gọi là Như? Nó là vàng. Quý vị nói xem: Đem vàng ròng làm thành tràng hạt. Tràng hạt ấy có phải là vàng hay không? Là vàng! Đem vàng làm thành nhẫn, làm vòng đeo tay, làm thành chén trà, đều có thể làm được. Do vậy nói: “*Tướng cũng như Tánh, Tánh cũng như Tướng, Tánh và Tướng chẳng hai*”. Từ Tướng, quý vị thấy được vàng, tức là quý vị thật sự biết giá trị. Nếu quý vị chẳng biết giá trị, sẽ tách rời vàng và những món đồ này. Tôi để cho quý vị chọn lấy vàng, quý vị nhìn vào hết thấy những món đồ này: “Không có, ở đây không có vàng!” Vòng đeo tay có phải là vàng hay không? Cái chén có phải là vàng hay không? Cái tô có phải là vàng hay không? Toàn là vàng làm thành. Bảo quý vị lấy vàng ra, quý vị tìm không được, đó là gì? Mê rồi! Mê mất tự tánh. Hễ ngộ, [bảo quý vị] lấy vàng ra, bèn thuận tay cầm lấy, thứ gì cũng đều là vàng! Do vậy, Tánh - Tướng chẳng hai! Tánh không có hình tướng được biến hiện (hiện tướng), tuy nó hiện ra hình tướng, nhưng Tướng là huyền tướng, chẳng thật! Vì thế, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: “*Vạn pháp đều là không, trọn chẳng thể được*”. Đó là thật. Kinh Kim Cang nói: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyền, bọt, bóng*”, đều là nói lời thật với quý vị. Đây là Chân Như.

Thật Tướng: Thật Tướng là chân tướng. Quý vị phải nhận biết chân tướng. Chân tướng là gì? Trong Tướng có Tánh, Tánh và Tướng không tách rời, thật đấy! Tánh không thể được, mà Tướng cũng không thể được. Nếu Tánh đã là không thể được, làm sao có thể đạt được Tướng? Do vậy, trong một bộ Đại Bát Nhã sáu trăm quyển, đức Phật giảng điều gì? Chính là giảng “*Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả*

đắc” (hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, không thể được). Hiện tại, phiền não của chúng ta từ đâu mà sanh? Đã là “chẳng thể được” mà cứ nhất định muốn đạt được, chẳng phải là quý vị đã tự chuốc phiền đó sao? Khổ não không có bờ mé. Hễ giác ngộ, khổ não bèn chẳng còn nữa; đã hiểu rõ chân tướng, chẳng còn chấp trước, chẳng còn dấy vọng tưởng. Thọ, Tướng, Hành, Thức đều không thể được, đều là giả. Thọ, Tướng, Hành, Thức do đâu mà có? Do tự tánh mà có. Tự tánh có bốn tịnh đức “thấy, nghe, hay, biết”, chúng là thật. Sau khi mê, từ “thấy, nghe, hay, biết” sẽ biến thành Thọ, Tướng, Hành, Thức. Chúng ta gọi Thọ, Tướng, Hành, Thức là “tâm lý”. Tâm lý là giả, chẳng thật. Chân tâm là thanh tịnh; “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Đó là chân tâm. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nhất định là vọng tâm.

Trong kinh nói “*huệ dĩ chân thật chi lợi*”, “*huệ*” (惠) là ban tặng. Chư Phật Như Lai, Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni Phật trong bộ kinh này đã ban cho chúng ta lợi ích chân thật, cho nên là thuần nhất chân thật. Bộ kinh này “*trụ chân thật huệ, khai hóa hiển thị chân thật chi tế, huệ dĩ chân thật chi lợi, thuần nhất chân thật dã*” (trụ trong chân thật huệ, khai hóa, hiển thị Chân Thật Tế, ban cho lợi ích chân thật, thuần nhất chân thật). Đây là nói kinh này khế Lý; không chỉ khế Lý, mà còn khế Lý viên mãn. “*Hựu bốn kinh xưng vi trung bản Hoa Nghiêm Kinh*” (kinh này còn được gọi là kinh Hoa Nghiêm bản trung). Câu này do Bành Tế Thanh nói, ông ta là người sống trong thời Càn Long nhà Thanh trước kia, là một vị đại đức trong Phật môn, thông Tông, thông Giáo, Hiền Mật viên dung, rất lỗi lạc. Ông ta nói: Kinh Vô Lượng Thọ chính là trung bản Hoa Nghiêm. Nói cách khác, A Di Đà Kinh là tiểu bản Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm Kinh là đại bản A Di Đà Kinh. Một mà ba, ba nhưng một, kinh Hoa Nghiêm giảng tỉ mỉ, kinh Di Đà nói vắn tắt, thuận tiện cho khóa tụng. Vì thế, thuở trước, tôi giảng kinh thường khuyên những đồng học trẻ tuổi: Nếu thật sự muốn giảng giải thấu triệt Tịnh Độ ngũ kinh nhất luận, nhất định phải học Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là chú giải tỉ mỉ của ngũ kinh nhất luận, là một, không hai.

Ở đây, cụ Niệm Tổ dẫn câu nói này, cụ bảo: “*Kinh trung sở thuyết*”, tức là những điều được trình bày trong kinh này, “*nhất thiết Sự Lý, tức Hoa Nghiêm chi Sự Lý vô ngại, Sự Sự vô ngại chi Nhất Chân pháp giới*” (hết thấy Sự Lý chính là Nhất Chân pháp giới Sự Lý vô ngại, Sự Sự vô ngại trong kinh Hoa Nghiêm). Đây là nói rõ: Nội dung của kinh Vô Lượng Thọ và kinh Hoa Nghiêm chẳng khác nhau. Kinh Hoa Nghiêm nói tỉ mỉ, còn ở đây (tức kinh Vô Lượng Thọ) nói những điều giản yếu, tức là nói đơn giản, chú trọng những chỗ quan trọng, mấu chốt. Sau khi đọc bộ kinh này, tôi chẳng giảng kinh Hoa Nghiêm nữa. Tôi thuở trẻ học kinh giáo, trong những kinh được thầy Phương Đông Mỹ tiên sinh giới thiệu cho tôi đọc có kinh Hoa Nghiêm. Hơn nữa, thầy hết sức coi trọng kinh Hoa Nghiêm. Thầy yêu thích, tiên sinh Phương Đông Mỹ ưa thích bộ kinh này, đặc biệt giới thiệu với tôi, giới thiệu bản chú giải của Thanh Lương đại sư, có lý lắm. Tôi nhớ lúc Hoàng Nhất đại sư tại thế, giới thiệu kinh giáo Đại Thừa cho những phần tử tri thức học tập, Ngài cũng giới thiệu bản chú sớ kinh Hoa Nghiêm của Thanh

Lương đại sư. Sau khi tiếp xúc, nếu quý vị kiên nhẫn thâm nhập, sẽ có pháp hỷ sung mãn, có thể thụ dụng, nhưng kinh này quá dài! Trước kia, Hoàng lão cư sĩ vào đầu thập niên sáu mươi [chuẩn bị chú giải kinh Vô Lượng Thọ], vào đầu thập niên sáu mươi, tôi cũng bắt đầu giảng kinh Hoa Nghiêm, cũng giảng suốt mười mấy năm, chỉ giảng được phân nửa. Sau này, giảng kinh Vô Lượng Thọ, giảng rất hoan hỷ. Kinh Vô Lượng Thọ đã là trung bản Hoa Nghiêm, tôi chẳng cần phải giảng Hoa Nghiêm nữa. Chính mình đọc kinh Hoa Nghiêm là được rồi. Vì thế, ngưng lại [không giảng nữa]. Tôi cũng thật sự từ kinh Hoa Nghiêm mà nhận thức Tịnh Độ, chết sạch so đo, khẳng khái tu học pháp môn này. Chuyện này trong các buổi giảng trước đây, tôi đã từng thưa bày cùng quý vị.

Giảng kinh Hoa Nghiêm lần này là nhân duyên đặc thù, do có ba người khai thỉnh. Người thứ nhất là pháp sư Khai Tâm ở Đài Loan, Sư đã vãng sanh. Thuở trước, khi còn sống, mỗi lần gặp tôi, Sư đều khuyên tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, bảo tôi: “Pháp sư Tịnh Không! Nếu thầy không giảng, sợ rằng sau này chẳng có ai giảng!” Không chỉ một lần, mỗi lần gặp mặt Sư đều nhắc nhở. Tôi rất cảm kích, nhưng hoàn chẳng động tâm. Lần thứ hai tại Bắc Kinh, tôi sang thăm lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, lão cư sĩ rất nghiêm túc, cũng rất từ bi, thỉnh tôi giảng kinh Hoa Nghiêm. Tôi cũng rất cảm kích, cụ cũng nghĩ sau này, người có thể giảng bộ kinh này không nhiều lắm, nhưng tôi vẫn chẳng động tâm. Lần thứ ba là khi Hàn Quán Trưởng của Hoa Tạng Đồ Thư Quán bệnh nặng, trên thực tế là hai hôm trước khi bà ta vãng sanh, đã hết sức khẩn thiết yêu cầu tôi giảng kinh Hoa Nghiêm một lần, giảng hoàn chỉnh một lần, lưu một bộ băng âm hình. Khi đó là băng video, còn chưa có CD, CD chưa phổ biến. Khi chiếu lên TV, vẫn phải dùng một cái hộp to ngăn ấy (VCR) để chạy băng. Bà ta mong lưu lại một bộ băng video hoàn chỉnh để người đời sau tham khảo. Do bà ta đang bệnh, bệnh nặng như vậy, nhằm an ủi bà, tôi liền nhận lời, tôi nói: “Được! Chờ bà lành bệnh, tôi sẽ giảng”. Hai ngày sau, bà ta vãng sanh. Ba lần [được khuyến thỉnh như vậy].

Sau khi lão nhân gia qua đời, chúng tôi rời Đài Loan sang Tân Gia Ba, giảng kinh tại Tân Gia Ba Cư Sĩ Lâm. Tôi và cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói tới chuyện này. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên hết sức hoan hỷ, ông ta nói: “Tôi thay mặt ba người ấy khai thỉnh pháp sư!” Ông ta sốt sắng như vậy, được rồi! Lần này, chúng tôi khai giảng kinh Hoa Nghiêm tại Tân Gia Ba Cư Sĩ Lâm khai giảng, giảng nhiều năm như thế, giảng tới bốn ngàn giờ. Giảng được bao nhiêu? Đại khái là giảng được một phần năm của cả bản kinh. Như vậy thì để giảng viên mãn bộ kinh này theo phương pháp mà tôi đã dùng, đại khái cần bao nhiêu giờ? Hơn hai vạn giờ! Chắc chắn phải hơn hai vạn giờ. Tôi còn có thể sống lâu như thế hay chẳng? Kinh dài mà giảng gọn lại thì được, hai, ba năm cũng có thể giảng xong; nhưng con người hiện thời nghe kinh, càng chi tiết, càng thú vị. Theo phương pháp giảng kinh như cổ nhân, đừng nói tới thời xa xôi quá, ngay như phương pháp giảng kinh của thầy tôi là lão cư sĩ Lý Bình Nam, người bình thường trong hiện tại sẽ chẳng dễ tiếp nhận. Quá đơn giản, nghe không hiểu, đây là nói tới vấn đề khế cơ. Giảng cho

người hiện đại, phải giảng thấu triệt, giảng rõ ràng, giảng minh bạch, họ thật sự nghe hiểu sẽ sanh tâm hoan hỷ. Đúng là khó khăn!

Lần này tôi nói với các đồng học, tôi tạm thời ngưng kinh Hoa Nghiêm lại. Tôi nghĩ là ngừng một năm, trong thời gian một năm này, giảng minh bạch, rõ ràng bộ chú giải này. Vì sao? Đây là trung bản Hoa Nghiêm. Hiện tại, cả thế giới, xã hội động loạn, tai nạn liên tiếp xảy ra. Trong tháng này, các đồng học có gởi cho tôi xem một tài liệu: Từ ngày mồng Bốn tháng Ba đến mồng Bảy tháng Tư, trong thời gian một tháng, khắp thế giới đã có mười một lần động đất từ cấp sáu trở lên. Vùng biển Ấn Ni (Indonesia) phát sanh sóng thần (tsunami), xảy ra liên tiếp như vậy, dày đặc như vậy. Nhiều đồng học đã xem phim “2012”. Bốn mươi, năm mươi năm qua tôi chẳng xem phim, chẳng coi TV, các đồng học một mực kéo tôi đi xem. Tôi coi xong, trở về bảo mọi người: Đây chẳng phải là ngẫu nhiên, phim được chiếu trên khắp thế giới, đối với người học Phật chúng ta mà nói, đây là một thứ cảm ứng, cõi trời đã cảnh cáo nhân loại. Nếu chẳng sám hối, nếu không quay đầu, chẳng thể đoạn ác tu thiện, sửa lỗi, đổi mới, sợ rằng tai nạn ấy sẽ là sự thật, chẳng giả!

Hai năm gần đây nhất, chúng ta làm Tam Thời Hệ Niệm Phật sự, tôi đề xướng làm bốn mươi chín ngày. Đang khi bắt đầu, trong hôm thứ nhất hay hôm thứ hai, trong đạo tràng có một đồng tu bị quỷ thần dựa thân, đến tìm tôi, tôi hỏi: “Chuyện gì?” Người ấy nói: “Thầy không biết đâu! Hiện thời, tai nạn rất nghiêm trọng [sẽ xảy ra] trong một thời gian rất dài”, báo cho tôi biết mức độ nghiêm trọng. Tôi nói: “Ước chừng bao lâu?” Người ấy nói: “Đại khái là từ ba năm đến năm năm”, thời gian dài như thế đó! Người ấy nói: “Phật sự bốn mươi chín ngày không đạt hiệu quả”. Tôi hỏi: “Làm sao mới có thể đạt được hiệu quả?” Người ấy đề nghị một trăm thất, tức là phải làm Hệ Niệm Phật sự bảy trăm ngày! Sau khi tôi nghe xong, tôi nói: “Được rồi! Người hãy đi đi”. Sau đấy, tôi tìm lão hòa thượng Mãn Thành ở Thật Tế Thiên Tự⁶, Ngài cũng đã vãng sanh rồi, vãng sanh vào năm ngoái. Tôi và Ngài thương lượng. Tôi hỏi: “Ý lão hòa thượng như thế nào?” Lão hòa thượng đáp ứng ngay. Vì thế, tại Thật Tế Thiên Tự, lần đầu tiên làm một trăm thất, làm Hệ Niệm Phật Sự bảy trăm ngày là do quỷ thần nhập thân yêu cầu. Pháp hội này đến ngày Hai Mươi Lăm tháng Ba mới viên mãn, bảy trăm ngày!

Hiện thời, tai nạn ngày càng nhiều, khi ấy, tôi ở Đài Loan để chữa răng, tôi bị bệnh nha chu⁷, tôi bảo pháp sư Ngô Đạo, đạo tràng của thầy ấy ở Đài Bắc. Tôi nói: “Sau khi

⁶ Thật Tế Thiên Tự thuộc huyện Lô Giang, tỉnh An Huy, nằm ở phía Đông Bắc rặng núi Dã Phụ. Chùa do thiên sư Phục Hồ khai sơn vào đời Đường. Chùa nhiều lần hưng thịnh rồi suy vong, có lúc bỏ hoang. Chùa được xây dựng lại vào năm 1993.

⁷ Nha chu gọi đầy đủ là nha chu viêm (periodontitis) là một bệnh viêm (inflammation) các mô quanh nướu và chân răng, khiến răng lỏng lẻo và rụng dần. Nếu không chữa trị, người bệnh sẽ không còn cái răng nào.

thầy trở về, hãy tổ chức Phật sự bảy trăm ngày tại Đài Bắc”. Pháp sư Ngô Hạnh ở Đài Nam, tôi bảo: “Ông cũng làm Phật sự bảy trăm ngày tại Đài Nam. Tôi phối hợp với các ông bắt đầu giảng kinh Vô Lượng Thọ”. Bọn họ đều hoan hỷ. Tôi nói: “Chúng ta giảng bộ kinh này cõi âm lẫn dương gian đều được lợi, hy vọng đem công đức giảng kinh này hồi hướng cho hư không pháp giới, mong hóa giải tai nạn. Dầu chẳng thể hóa giải, cũng khiến cho tai nạn giảm nhẹ, chậm xảy ra, chúng ta có thể tin tưởng điều này”. Đây là nhân duyên chúng tôi giảng kinh lần này. Chúng tôi mong muốn đem bộ kinh này do cụ Hạ đã tốn thời gian mười năm hội tập thành một bản tiêu chuẩn hoàn mỹ như vậy, cụ Hoàng Niệm Tổ không nề hà tuổi già, lẩm bệnh, suốt ngày đêm không nghỉ ngơi để hoàn thành trước tác này, nếu chúng ta không nghiêm túc nỗ lực học tập kỹ càng, làm sao xứng với hai vị lão nhân ấy?

Do vậy, tôi bảo các đồng học, mọi người chúng ta hãy phát tâm. Thật sự muốn cứu vớt tai nạn này, có thể [cứu vớt] hay không? Câu trả lời là khẳng định! Nếu trên thế giới này, thật sự có một đạo tràng đúng pháp xuất hiện, trên cả địa cầu sẽ chẳng còn tai nạn! Đạo tràng gì vậy? Tăng đoàn. Tăng là gì? Tăng có nghĩa là Lục Hòa Kính, trong ấy có sáu điều kiện. Sáu chuyện ấy đều làm được [thì gọi là Tăng]. Bốn người trở lên ở cùng một chỗ tu hành thì gọi là Chúng; đây là một đoàn thể tuân thủ giáo huấn của đức Phật. “*Kiến hòa đồng giải*”, con người hiện thời gọi là “*thành lập cộng thức*” (hình thành một nhận thức chung). Chúng ta là những người cùng nhau tu học, tư tưởng nhất trí, kiến giải là nhất trí, chẳng mâu thuẫn, chẳng đối lập; đây là điều kiện trọng yếu nhất trong Lục Hòa. Thứ hai là “*giới hòa đồng tu*”, mọi người ở cùng một chỗ nhất định phải giữ quy củ, quy củ là gì? Quy củ là giới luật. Thứ ba là “*thân hòa đồng trụ*”, chúng ta ở cùng một chỗ. “*Khẩu hòa vô tránh*”, mọi người giữ một niềm hòa khí, không tranh cãi. “*Ý hòa đồng duyệt*”, tu hành cùng một chỗ, sống cùng một chỗ, vui vẻ, pháp hỷ sung mãn. Điều cuối cùng là “*lợi hòa đồng quân*”, cũng là đãi ngộ bình đẳng trong cuộc sống vật chất, không có người nào được ưu đãi [hơn người khác]. Đây là thười Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, trong Tăng đoàn của Ngài có sáu quy củ đơn giản như thế. Tăng đoàn của Phật rất lớn, một ngàn hai trăm năm mươi lăm người; trong kinh chúng ta thường thấy: Người người đều tuân thủ sáu điều này. Nay có thể xuất hiện một Tăng đoàn như thế, trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: Hết thầy chư Phật hộ niệm, hết thầy thiên long thiện thần ủng hộ, nơi ấy sẽ không có tai nạn; nhưng Tăng đoàn như vậy [kiếm không ra]. Ba mươi năm trước, lần đầu tiên tôi đến Hương Cảng giảng kinh vào năm 1977, đã gặp pháp sư Tây Trần, chúng tôi hết sức hợp duyên, nói chuyện rất hợp. Sư cũng là một trong các vị lãnh tụ của Phật giáo Hương Cảng, Sư cũng vắng sanh từ mấy năm trước rồi! Tôi và Sư nói tới vấn đề này, tôi nói: “Chúng ta có thể phát tâm hay không? Tìm năm người xuất gia chí đồng đạo hợp, năm vị tỳ-kheo, chúng ta thi hành Lục Hòa Kính, thành lập Tăng đoàn này?” Sư nghe xong rất hoan hỷ. Tôi ở Đài Loan, Sư ở Hương Cảng. Bàn bạc rất vui vẻ, nhưng không có cách nào thực hiện, chẳng dễ dàng! Đạo tràng hiện thời, hai người ở chung một chỗ thường cãi nhau, còn làm gì

được nữa? Thật sự có thể xuất hiện Tăng đoàn này, thì nơi ấy, tai nạn sẽ bị hóa giải. Có ai thật sự chịu làm hay không?

Làm thế nào mới có thể thực hiện? Đạt đến vô ngã sẽ thực hiện được! Khởi tâm động niệm nghĩ đến người khác. Nếu khởi tâm động niệm, ý niệm thứ nhất bèn nghĩ đến chính mình, sẽ không thể thực hiện được! Vào Phật môn, ái thứ nhất là phá Ngã Chấp. Trong Kiến Tu phiền não có năm món Kiến Hoặc, món đầu tiên là Thân Kiến, chấp chặt cái thân này là ta. Hết thấy đều vì cái thân ta mà suy nghĩ, hồng rồi! Tự tư, tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, toàn bộ dấy lên, làm sao có thể hòa hợp với người khác? Vì thế, đừng chấp trước thân này là ta nữa, đừng đối lập với người khác nữa. Không chỉ chẳng đối lập với người khác, mà trong hết thấy mọi sự đều chẳng đối lập, chẳng đối lập với vạn vật trong trời đất. Đó là phá Biên Kiến. Sau đây, lại phá Thành Kiến. Chúng ta nói người nào đó thành kiến rất sâu, ta nghĩ như vậy. Ta cho là như vậy thì sẽ không thể tu tùy hỷ công đức, sẽ không thể hằng thuận chúng sanh. Phải buông thành kiến xuống, quý vị mới có thể tu tùy hỷ công đức, mới có thể tu hằng thuận chúng sanh. Đây mới là bước đầu để nhập Phật môn. Trong Tiểu Thừa là Tu Đà Hoàn, trong Đại Thừa là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm. Tuy mới nhập môn, nhưng công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn, cho nên được hết thấy chư Phật hộ niệm, quý vị thật sự là đệ tử của Phật, lẽ nào Phật chẳng quan tâm đến quý vị? Trời, rồng ủng hộ, quỷ thần tôn kính. Một Tăng đoàn như vậy xuất hiện, nơi ấy thật có phước! Có bốn năm người thật sự chịu làm [như vậy] hay chẳng? Bỏ mình vì người, khởi tâm động niệm đều mong cho chánh pháp của Thích Ca Như Lai được tồn tại lâu dài, khởi tâm động niệm luôn vì hết thấy chúng sanh khổ nạn trong thế gian này, đừng nghĩ tới chính mình, quên đi bản thân thì mới có thể thực hiện Lục Hòa Kính.

Hiện thời tai nạn hiện tiền, tôi đã nói với mọi người. Cư sĩ Lưu Tố Vân cũng đã báo cáo với quý vị, rất khó có! Chúng ta phải có cách nhìn như thế nào? Phải giống như Ấn Quang đại sư đã nói: Đem một chữ Chết dán trên trán! Tôi đã đến viếng quan phòng (nơi bế quan) của Ấn Quang đại sư tại Linh Nham Sơn Tự, Tô Châu. Trong quan phòng có một Phật đường nhỏ, chẳng lớn, đại khái chỉ lớn bằng nửa phòng thâu hình của chúng ta. Sau tượng Phật có viết một chữ, do chính lão nhân gia đã viết chữ “Tử” ấy. Hằng ngày nghĩ đến, cái chết ở trước mặt, còn có cái gì mà quý vị không thể buông xuống được? Do vậy, hôm nay, sau khi chúng ta xem xong phim “2012”, tôi nói với mọi người, chúng ta phải coi ngày hôm nay như ngày cuối cùng trên cuộc đời. Sáng mai thức dậy, ta lại coi như là ngày cuối. Mỗi ngày đều là ngày cuối cùng, điều gì quý vị cũng buông xuống mới hòng đạt được tâm thanh tịnh! Đến thế gian này với hai bàn tay trống trơn, khi đi, vẫn trống trơn ra đi, cái gì cũng không mang theo được! Nhất tâm tưởng Phật, trong tâm điều gì cũng chẳng màng tới, chỉ có A Di Đà Phật, một phương hướng, một mục tiêu. Một phương hướng là Tây Phương Cực Lạc thế giới, một mục tiêu là đến Cực Lạc thế giới thân cận A Di Đà Phật. [Chỉ có] một niệm này, trừ một niệm này ra, không có niệm thứ hai, quý vị mới thật sự buông xuống vạn duyên. Tai nạn xảy đến có sợ hay

không? Không sợ. Ta mỗi ngày tưởng A Di Đà Phật, mỗi ngày tưởng thế giới Cực Lạc, rốt cuộc đến dịp, ta bèn ra đi, chẳng có mây may sợ hãi gì! Mỗi ngày đều chờ đợi, mỗi ngày đều hướng về, đó là đúng. Đây chẳng phải là tiêu cực, mà là tích cực. Ngày hôm nay là ngày cuối cùng của ta, ắt phải đoạn ác tu thiện, ắt phải tích công lũy đức, vì sao? Phải biết nâng cao phẩm vị của chính mình. Chúng sanh khổ nạn, ta có được một ngày, sống một ngày thì phải toàn tâm toàn lực giúp mọi người một ngày. Ta giúp mọi người một ngày nhưng tâm địa trong sạch, tam luân thể không, trọn chẳng chấp tướng, niệm niệm chẳng xả A Di Đà Phật. Có được bốn năm người thật sự có thể quán như thế, thật sự làm, Tăng đoàn hòa hợp sẽ thành lập, ở nơi đâu? Ngay trong tiểu đạo tràng này, tiểu đạo tràng này chiếu sáng đại thiên. Chúng ta là người đã học bộ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, đều biết: Niệm vừa dấy lên, lập tức trọn khắp pháp giới. Đây là nói thông tin linh thông, chẳng bị chướng ngại mây may. Tốc độ [lan truyền ấy] nhanh hơn tốc độ ánh sáng, nhanh hơn tốc độ của sóng điện từ (electromagnetic wave). Ý niệm vừa khởi, bèn trọn khắp pháp giới, chư Phật, Bồ Tát biết, thiên long quỷ thần cũng biết. Trong cuộc đời này, phải có lòng tin kiên định, quyết định thành Phật trong một đời này. Nay chúng ta học bộ kinh này, bộ kinh này hướng dẫn chúng ta thâm nhập một môn, trường thời huân tu, thành tựu viên mãn Bồ Đề trong một đời.

Vì thế, kinh có dạy, tức là kinh Hoa Nghiêm có nói: “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”. Cảnh giới vô chướng ngại là Nhất Chân pháp giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới là Nhất Chân pháp giới, thế giới Hoa Tạng là Nhất Chân pháp giới. “*Hoa Nghiêm bí áo chi Lý Thể, chánh tại bốn kinh, có vân Khế Lý*” (Lý Thể ẩn kín, nhiệm màu của kinh Hoa Nghiêm ở ngay trong kinh này, nên nói là Khế Lý). Những điều được nói trong kinh này và kinh Hoa Nghiêm hoàn toàn tương đồng. “*Chi u khế cơ, tắc cánh thị bốn kinh chi độc thắng*” (Còn về phần khế hợp căn cơ, bản kinh này lại càng thù thắng độc đáo). Câu này viết hay quá! Độc thắng! Hết thầy các kinh do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm, nếu luận về phương diện khế cơ, đều thua bộ kinh này. Sở dĩ đức Thế Tôn thuở tại thế đã nhiều lần tuyên giảng bộ kinh này, vì lẽ nào? Kinh này khế cơ! Phương pháp này bất luận là ai cũng đều có thể học, đơn giản, dễ dàng, ổn thỏa, thích đáng, thành tựu lại đặc biệt thù thắng, tìm đâu ra một pháp môn nào khác giống như vậy? “*Kinh trung chi trì danh pháp môn, phổ bị tam căn, tề thâm phạm thánh*” (pháp môn trì danh trong kinh thích hợp khắp ba căn, thâm tóm lợi căn lẫn độn căn). Đây là chỗ độc thắng. Dùng phương pháp nào? Dùng phương pháp Niệm Phật, niệm danh hiệu Phật. Quý vị niệm bốn chữ A Di Đà Phật cũng được; mà niệm sáu chữ cũng được, Nam-mô A Di Đà Phật. Sáu chữ này là dịch âm tiếng Phạn. “*Nam-mô*” có nghĩa là “quy y, quy mạng, tôn kính”, có những ý nghĩa này, đó là ý nghĩa của chữ Nam-mô. Chữ “*A*” có thể dịch sang chữ Hán, A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác, Vô Lượng Giác! Vô Lượng Giác là gì? Là tự tánh. Vì thế, danh hiệu này là chính chúng ta, là danh hiệu tự tánh của đương nhân. Trong Hệ Niệm Pháp Sự, thiền sư Trung Phong đã nói rất hay: A Di Đà Phật là tự tánh Di Đà, Tây Phương Cực Lạc thế giới là duy tâm Tịnh Độ, chẳng ở bên ngoài! Hết thầy các pháp chẳng lìa tự tánh, Di Đà và thế giới Cực Lạc cũng chẳng

lìa tự tánh. Nói cách khác, do tự tánh biến, tự tánh Di Đà! Nói rõ hơn một chút: Chính mình niệm chính mình, ta chẳng niệm tham, sân, si, mạn, ta chẳng niệm tự tư, tự lợi, ta chẳng niệm tiếng tăm, lợi dưỡng, ta niệm tự tánh, tự tánh là Vô Lượng Giác. Trong kinh Đại Thừa thường giảng, chúng ta đã nghe rất nhiều rồi, học nhiều lắm rồi: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng*”. Quý vị tưởng gì, bèn hiện ra cảnh giới ấy. Nay ta tưởng A Di Đà Phật, ta nghĩ tới Tánh Đức trong tự tánh của ta, lẽ nào chẳng thành tựu? Minh tâm kiến tánh là vọng tận hoàn nguyên, dùng phương pháp này thù thắng khôn sánh!

“*Phổ bị tam căn*”, tam căn là thượng, trung, hạ, [*“phổ bị tam căn”* là] các căn tánh bất đồng đều có thể học. “*Tề thâm phạm thánh*”: Phạm phu có thể học, có thể thành công; thánh nhân cũng có thể học, cũng có thể thành công. “*Thượng thượng căn giả, chánh hảo toàn thể thừa đương*” (người thượng thượng căn rất thích hợp để gánh vác toàn thể), bậc thượng thượng căn là ai? Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Quán Âm, Thế Chí, những vị thánh nhân là bậc thượng thượng căn. Đúng vậy! Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tôi đã từng thưa với các vị đồng học, khi tôi còn trẻ, vốn tưởng Phật giáo là mê tín, là tôn giáo, không muốn tiếp xúc, mà cũng chẳng muốn gần gũi. Về sau, theo học Triết Học với tiên sinh Phương Đông Mỹ, từ sách giáo khoa, cụ giảng Triết Học trong kinh Phật cho tôi. Tôi thỉnh giáo cụ. Tôi nói: “Phật giáo là mê tín, đa thần giáo, phiếm thần giáo⁸, là tôn giáo cấp thấp, làm sao có Triết Học cho được?” Cụ dạy tôi: “*Anh còn trẻ, chưa biết, Thích Ca Mâu Ni Phật là bậc triết gia vĩ đại nhất trên cả thế giới*”. Tôi chưa từng nghe ai nói như thế! “*Triết Học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong toàn bộ Triết Học thế giới. Học Phật là sự hưởng thụ tối cao trong cuộc đời*”. Tôi mới sửa đổi quan niệm sai lầm trong quá khứ. Lời dạy sau đây của cụ hết sức quan trọng: “*Phật pháp ở trong kinh điển, không ở chốn chùa chiền*”. Lời hướng dẫn này hết sức quan trọng. Nếu chúng tôi đến tìm [Phật pháp] trong chùa chiền sẽ chẳng thấy, thấy toàn là mê tín, lời thầy nói chẳng phải là giả hay sao? Do cụ cũng sợ tôi khởi lên mỗi nghi hoặc này, [nên dạy tôi hãy học Phật pháp] từ kinh điển, bảo tôi tìm Phật pháp trong kinh điển, học tập từ kinh điển.

8 Phiếm thần giáo (Pantheism), đúng ra phải dịch là Phiếm Thần Luận, là quan điểm cho rằng vũ trụ và thiên nhiên cùng thần (Chúa, Thượng Đế, thần linh v.v...) đồng nhất. Để nhận thức Thượng Đế, tốt nhất là quan sát từ thiên nhiên. Theo đó, vũ trụ là biểu hiện hoàn mỹ thánh khiết của thánh linh. Để nhận biết chân thiện mỹ thật sự, con người phải hòa nhập với thiên nhiên, cảm nhận sự hiện diện của Thượng Đế trong từng sự vật của vũ trụ. Quan điểm này đã có từ thời cổ Hy Lạp bắt nguồn từ luận thuyết của triết gia Heraclitus, Zeno v.v..., được kế thừa bởi những nhà tư tưởng sau này như Giordano Bruno, Baruch Spinoza, John Toland, Hegel, Watl Whitman, Ralph Waldo Emerson, Henry David Thoreau, Albert Einstein, Arnold Toynbee... Do Đại Thừa Phật giáo thường nhấn mạnh Tánh và Tướng bất nhị, từ Tướng phải thấy được Tánh, Tánh lại được thường diễn tả bằng danh từ Chân Như, Như Lai Tạng v.v... nên các triết gia Tây Phương thường hiểu lầm Phật giáo là Phiếm Thần Luận.

Sau đây không lâu, tôi quen biết Chương Gia đại sư. Chương Gia đại sư dạy tôi hãy học tập Thích Ca Mâu Ni Phật, dạy tôi đọc sách. Sách Phật tôi đọc sớm nhất là Thích Ca Phổ và Thích Ca Phương Chí, đó là truyện ký về Thích Ca Mâu Ni Phật. Sư nói: “Nếu anh muốn học Phật, trước hết, phải nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật”. Đọc rồi mới biết: Thích Ca Mâu Ni Phật vốn chẳng dính dáng tới tôn giáo. Nhìn theo quan điểm hiện thời, Phật là gì? Ngài giữ chức trách của một vị thầy, suốt đời dạy học. Sau khi đã khai ngộ vào năm ba mươi tuổi, đức Phật bèn bắt đầu dạy học; bảy mươi chín tuổi vãng sanh, dạy học suốt bốn mươi chín năm, vui thích sự nghiệp này, chẳng mệt mỏi, giống như Không lão phu tử, dạy dỗ không phân biệt, người đến chẳng cự tuyệt, kẻ đi không giữ lại. Suốt đời làm công tác dạy học, chẳng lập đạo tràng! Rừng núi, cội cây, các đệ tử thường theo hầu không ít người, hơn một ngàn người. Còn có những người chẳng thường theo học, ngẫu nhiên đến tham dự, tôi phỏng đoán nơi Ngài dạy học chắc phải có chừng hai ba ngàn người, phải là như vậy, kể cả những người ngẫu nhiên đến dự, phải có quy mô to lớn như thế. Điều này khiến cho chúng ta suy tưởng: Thuở ấy, chẳng có máy khuếch âm (amplifier), Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, âm thanh giảng kinh có thể phủ trọn, có thể nhiếp thọ một nơi to lớn như vậy, người bình thường sẽ chẳng thể làm được! Huống hồ còn *“nhất âm thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải”* (một âm thanh thuyết pháp, chúng sanh tùy theo mỗi loại đều hiểu). Chúng ta biết: Người từ bốn phương tám hướng tới dự, ngôn ngữ khác nhau, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp, họ đều có thể nghe hiểu. Đây cũng chẳng phải là chuyện dễ! Đều có thể nghe hiểu, tiếp nhận, đúng là một vị thầy giỏi!

Phật giáo biến thành tôn giáo, biến thành tình trạng như hiện thời, chúng ta phải biết là đã xảy ra rất trễ, đại khái tôi nghĩ phải xảy ra sau thời Gia Khánh. Vào thời Càn Long, chúng ta thấy [Phật giáo] vẫn là giáo học. Trong chùa chiền, cao tăng đại đức mỗi ngày giảng kinh, mỗi ngày đều dạy học. Sau Càn Long là Gia Khánh, sau Gia Khánh là Đạo Quang, nói chung là dần dần biến chất trong thời gian này. Tôi nghĩ thật sự biến chất trên bình diện lớn phải là vào thời Từ Hy Thái Hậu. Từ Hy Thái Hậu mê tín, nhiều chuyện chẳng theo gương các vị đế vương khi trước hướng về cao tăng đại đức thỉnh giáo. Trong cung đình của Từ Hy Thái Hậu không hề giảng kinh. Trong cung đình nhà Thanh [trước thời Từ Hy], thường không ngừng mời cao nhân Nho, Thích, Đạo dạy học. Từ Hy Thái Hậu phế trừ chế độ này, trong cung đình chẳng còn giảng học nữa. Bà ta thích lên đồng, cầu cơ, Chương Gia đại sư kể cho tôi nghe chuyện này. Quốc gia đại sự đều thỉnh ý thần, cầu cơ để hỏi thần, cho nên vong quốc! Tôi nghĩ chuyện này có ảnh hưởng hết sức lớn, người trên làm, kẻ dưới bắt chước theo, cho nên Phật giáo biến thành tôn giáo. Hiện thời, nói Phật giáo là tôn giáo, chúng ta chẳng thể phủ định, nhưng thầy tôi là Chương Gia đại sư và tiên sinh Phương Đông Mỹ đều dạy tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng ta học tập kinh điển, trong kinh điển có những món báu, có những thứ tốt đẹp, có thể giúp chúng ta quay đầu, giúp chúng ta minh tâm kiến tánh. Vì thế, bậc thượng thượng căn mới có thể đảm nhiệm toàn thể, hoàn toàn tiếp nhận. [Câu này] có nghĩa là hoàn toàn tiếp nhận.

“*Hạ hạ căn giả, diệc khả y chi đắc độ*” (kẻ hạ hạ căn cũng có thể noi theo mà đắc độ): Quý vị nương theo lý luận và phương pháp do kinh điển đã giảng, nghiêm túc thực hiện, sẽ có thể vãng sanh. Vãng sanh là thành Phật, chuyện này là thật, chẳng giả. “*Thượng tặc Văn Thù, Phổ Hiền Pháp Thân đại sĩ, diệc quân phát nguyện cầu sanh*” (trên thì Văn Thù, Phổ Hiền, Pháp Thân đại sĩ cũng đều phát nguyện cầu sanh), đây là nói về bậc thượng thượng căn; “*hạ chí Ngũ Nghịch, Thập Ác*” (dưới là đến phường Ngũ Nghịch, Thập Ác), những kẻ không việc ác nào chẳng làm, “*lâm chung niệm Phật*” cũng có thể “*tùy nguyện đắc sanh*”, hết sức phi phàm! Ngũ Nghịch là gì? Thập Ác là gì? Hôm nay thời gian qua nhanh quá, không có thời gian để giảng, ngày mai tôi sẽ nói với quý vị, vì có rất nhiều đồng tu chẳng hiểu Ngũ Nghịch, Thập Ác là gì! Chúng sanh làm ác như vậy, lâm chung gặp người khác khuyên dạy, kẻ ấy có thể tin, thật sự sám hối, thật sự niệm Phật, cũng có thể vãng sanh. Đúng là chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải giả! “*Hoành xuất tam giới, viên đặng tứ độ*” (vượt tam giới theo chiều ngang, lên trọn vẹn bốn cõi). Hôm nay đã hết thời gian rồi, ngày mai chúng ta sẽ học tập đoạn tiếp theo.